

NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH QUẢN TRỊ QUỐC GIA HIỆN ĐẠI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

LƯƠNG THANH CƯỜNG*

“Quản trị nhà nước tốt”, “quản trị quốc gia” đã được nhiều quốc gia trên thế giới nghiên cứu, triển khai trong thực tế và đã đem lại những kết quả trong quá trình phát triển đối với quốc gia đó. Do vậy, ở Việt Nam hiện nay, cần xác lập “quản trị quốc gia” phù hợp với cơ chế chung “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”; tiếp thu và vận dụng có hiệu quả những nguyên tắc chung của quản trị nhà nước tốt; đồng thời, trong quá trình vận hành nền quản trị quốc gia, cần kết hợp với giải quyết có hiệu quả 10 mối quan hệ lớn mà Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra. Bài viết nghiên cứu về kinh nghiệm quản trị quốc gia của một số nước, qua đó, lựa chọn phương thức, cơ chế vận hành phù hợp về quản trị quốc gia để quản trị nhà nước tốt làm giá trị tham khảo đối với Việt Nam. Bài viết là một phần nội dung của Đề tài “Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả: cơ sở lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách” KX.04.05/21-25.

Từ khóa: Quản trị quốc gia; quản trị nhà nước tốt; hiện đại; kinh nghiệm quốc tế; Việt Nam.

“Good state governance” and “national governance” have been studied and implemented in practice by many countries worldwide, yielding positive results in their development processes. Therefore, in Vietnam today, it is essential to establish a “national governance” model that aligns with the overarching mechanism of “the Party leads, the State manages, and the People are the masters”; effectively adopt and apply general principles of good state governance while simultaneously addressing the ten significant relationships identified by the 13th Party Congress during the operation of the national governance system. This article examines the experiences of national governance in several countries worldwide, from which it selects suitable methods and operational mechanisms for national governance and good state governance, serving as a reference for Vietnam. This paper is part of the research project titled “Building and improving modern, effective, and efficient national governance in Vietnam: Theoretical basis and practical foundations, and policy directions” KX.04.05/21-25.

Keywords: National governance; good state governance; modern; international experience; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 12/8/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/9/2024 NGÀY DUYỆT: 16/10/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.345.2024.970>

1. Mô hình quản trị quốc gia với vai trò trung tâm của Đảng cầm quyền

Mô hình quản trị quốc gia với vai trò trung tâm của Đảng cầm quyền tiêu biểu là Trung Quốc. Tại kỳ họp thứ 3 khóa XVIII của Đảng

Cộng sản Trung Quốc lần đầu tiên đề cập đến thuật ngữ “quản trị quốc gia”; đồng thời, đưa ra quan điểm về hoàn thiện và phát triển chế

* PGS.TS, Học viện Hành chính Quốc gia

độ chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, gắn với thúc đẩy năng lực và hiện đại hóa hệ thống quản trị quốc gia mà nội hàm cốt lõi là mối quan hệ thống nhất hữu cơ giữa ba yếu tố: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ và chế độ nhà nước pháp trị.

Ở một phương diện khác, “quản trị quốc gia” ở Trung Quốc được xem xét dưới góc độ ở mối quan hệ hữu cơ giữa các thành tố trong một chỉnh thể, gồm: (1) Hệ thống quản trị quốc gia, gồm: Đảng lãnh đạo; hệ thống thể chế quản lý của Nhà nước (hệ thống cơ chế, thể chế và các quy định của pháp luật trên mọi lĩnh vực); phạm vi quyền lực toàn diện và chiến lược điều hành đất nước trên các lĩnh vực của Nhà nước. (2) Năng lực quản trị quốc gia là khả năng sử dụng hệ thống của Nhà nước để quản lý xã hội, giúp cho các mặt của đời sống xã hội tương tác qua lại với nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Trong quan niệm của các học giả Trung Quốc, bản chất của quản trị quốc gia là sự phục vụ, nguyên tắc của quản trị quốc gia, là đạt được mục tiêu tiến bộ và phát triển chung cho quốc gia, cộng đồng và xã hội. Báo cáo Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIX của Trung Quốc khẳng định: Nhân dân là người tạo ra lịch sử và là lực lượng cơ bản quyết định tương lai và vận mệnh của Đảng và đất nước, vì vậy, phải kiên trì quan điểm “lấy con người làm trung tâm” trong con đường phát triển XHCN đặc sắc Trung Quốc. Để đạt được các mục tiêu này, các chủ thể tham gia quản trị quốc gia (Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong xã hội) cùng “hợp tác quản trị”, cộng đồng quản lý và không chỉ phụ thuộc vào các quy định của hệ thống pháp luật mà còn phụ thuộc vào ý thức và hành vi của các chủ thể tham gia quản trị quốc gia. Quyền quản trị quốc gia bên cạnh việc trao cho các cơ quan nhà nước còn có một phần quyền lực trong quyền quản trị quốc gia được nhân dân thực hiện trực tiếp thông qua cơ chế tự quản hoặc cơ chế đồng quản trị. Thông qua quản trị quốc gia, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc muốn thúc đẩy và huy động sự tham gia của các tổ chức và nhân dân vào quá trình xây dựng

pháp luật, tối ưu hóa môi trường pháp lý; tích cực tham gia thảo luận các công việc của Nhà nước; không chỉ tuân thủ tốt các chuẩn mực xã hội mà còn phải tham gia tích cực và hiệu quả vào việc thiết lập, sửa đổi và bãi bỏ các chuẩn mực xã hội lạc hậu, không phù hợp để kiến lập xã hội mới phát triển hài hòa.

Các học giả Trung Quốc cho rằng, quản trị quốc gia là sự sắp xếp hợp lý và điều phối hiệu quả cơ cấu thể chế, mục tiêu cuối cùng là đạt được sự hài hòa trong quá trình phát triển bền vững, bảo đảm tính cân đối của hệ thống kinh tế - xã hội. Phương thức vận hành của quản trị là đa hướng, tổng hợp, hợp tác và bao trùm, sự phối hợp, đa hướng, tính hợp lý của hành vi quản trị được chú trọng nhiều hơn. Quản trị quốc gia xác định viễn cảnh (tầm nhìn) quốc gia, trong đó mục tiêu xây dựng đất nước thành cường quốc hiện đại hóa XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa vào năm 2049 nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đạt trình độ nước phát triển trung bình. Viễn cảnh quốc gia của Trung Quốc có thể khái quát là thực hiện đất nước giàu mạnh, dân tộc chấn hưng và nhân dân hạnh phúc.

Về chủ thể quản trị quốc gia, tiếp cận theo quan điểm hiện đại, cụ thể: (1) Hệ thống nhà nước lấy đội ngũ cán bộ, công chức làm đại diện và lấy tổ chức Đảng và Nhà nước làm cơ sở; (2) Hệ thống thị trường (doanh nghiệp) lấy đội ngũ doanh nhân làm đại diện và lấy tổ chức doanh nghiệp làm cơ sở; (3) Hệ thống xã hội (các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội) lấy công dân làm đại diện và lấy các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp làm cơ sở¹. Như vậy, trong hệ thống các chủ thể quản trị quốc gia, Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò hạt nhân, trung tâm của quản trị quốc gia.

Về cơ chế vận hành của nền quản trị quốc gia, kể từ Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhấn mạnh mô hình quản trị quốc gia “Đảng lãnh đạo, Chính phủ phụ trách, xã hội hiệp đồng, quần chúng tham gia, pháp luật bảo đảm”. Một khía cạnh cần quan tâm đến cơ chế vận hành của quản trị quốc

gia ở Trung Quốc là vai trò của thị trường. Theo đó, chức năng của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường, bao gồm: xây dựng và thiết lập khung khổ thể chế bảo đảm cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường và bảo vệ quyền tài sản; duy trì sự ổn định của kinh tế vĩ mô và bảo đảm môi trường chính sách phù hợp; đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng và cung ứng dịch vụ công cơ bản cho người dân; thúc đẩy công bằng trong phân phối thu nhập; thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa các vùng miền, giữa nông thôn và thành thị; bảo vệ môi trường sinh thái.

Về công cụ quản trị quốc gia, Trung Quốc xây dựng các chiến lược phát triển đất nước bằng khoa học và công nghệ, chiến lược xây dựng đất nước lớn mạnh bằng nhân tài, chiến lược phát triển thúc đẩy bằng sáng tạo, chiến lược chấn hưng nông thôn, chiến lược phát triển nhịp nhàng giữa các vùng miền, chiến lược phát triển bền vững. Trong tiến trình đẩy mạnh quản lý đất nước theo pháp luật toàn diện, phải kiên trì cùng nhau đẩy mạnh quản lý đất nước theo pháp luật, cầm quyền theo pháp luật và quản lý hành chính theo pháp luật, kiên trì xây dựng nhất thể hóa nhà nước pháp trị, Chính phủ pháp trị và xã hội pháp trị, thực hiện lập pháp khoa học, thực thi pháp luật nghiêm minh, bảo đảm tư pháp công chính và toàn dân tuân theo pháp luật...

2. Quản trị quốc gia theo mô hình quản trị tốt

Quản trị tốt là khuôn khổ đa chức năng được các tổ chức quốc tế và các nước phát triển dùng trong thẩm định hiệu quả đầu tư, giám sát hiệu quả vốn đầu tư phát triển chính thức cho các quốc gia đang phát triển. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cho rằng: một nhà nước được coi là quản trị tốt khi đáp ứng được 8 nguyên tắc khung quản trị nhà nước tốt: nhất quán, minh bạch, trách nhiệm giải trình, bình đẳng và bao trùm, tính thích ứng, nhà nước pháp quyền, hiệu lực, hiệu quả, tính tham gia. Bên cạnh đó, còn có cách tiếp cận quản trị nhà nước tốt theo chỉ số thể chế là: chính sách, khung pháp lý và thể chế, hiệu lực, phân cấp và sự tham gia trong quá trình ra quyết định, minh bạch và trách

nhiệm giải trình, bình đẳng và công bằng². Sách trắng quản trị của Liên minh châu Âu (EU) quy định 5 nội dung về quản trị tốt, bao gồm: tính mở, sự tham gia, trách nhiệm giải trình, hiệu lực và thống nhất. EU tập trung vào ba khía cạnh của quản trị nhà nước tốt, hai trong số đó đề cập đến vai trò của quản trị tốt trong hoạch định chính sách và việc áp dụng nguyên tắc quản trị tốt với các đối tác bên ngoài. Trong số các nguyên tắc quản trị nhà nước tốt, sự tham gia được khẳng định là khía cạnh phức tạp nhất. Do vậy, EU đã đưa ra các hành động thực hiện cụ thể để hiện đại hóa và tăng cường “phương pháp cộng đồng”.

Tại Hoa Kỳ, thông thường mỗi nhiệm kỳ tổng thống đều đóng góp xây dựng nguyên tắc quản trị nhà nước tốt, như: nguyên tắc phân chia quyền lực, nguyên tắc chủ quyền phổ quát, nguyên tắc liên bang, tôn vinh vai trò của các tổ chức và công dân, hai nguyên tắc quản trị tốt là “kiểm soát và cân bằng” (Alexander Hamilton), 14 nguyên tắc “Sáng tạo lại chính phủ” (David Osborn và Ted Gaebler). Mô hình quản trị nhà nước tốt của Hoa Kỳ kể từ thời Tổng thống Hamilton đến nay là mô hình quản trị với phong cách lãnh đạo hành pháp thiết thực; phân quyền mạnh, hướng tới thị trường, định hướng theo nhu cầu; hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư để giải quyết các nhu cầu của cộng đồng.

Tại Australia, cơ quan Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm kiểm toán hoạt động quản trị nhà nước tốt của các cơ quan trong khu vực công, sử dụng bộ tiêu chí 6 chỉ số trong thực hiện và đánh giá quản trị tốt.

Ở Nicaragua và Honduras, nguyên tắc quản trị tốt được áp dụng trong quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, bao gồm 3 nhóm chủ thể là khu vực nhà nước, tư nhân và các tổ chức xã hội trong thực hiện chính sách ngành. Quản trị tốt được cho là cơ sở “hoàn hảo” để đạt được chiến lược phát triển bền vững³.

Đối với khu vực ASEAN, đây là cộng đồng có bản sắc văn hóa và tình hình kinh tế - xã hội đa dạng. Nghiên cứu quản trị tốt tại các nước Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa cần

tránh sự nhầm lẫn về ý nghĩa của quản trị, nhận diện được những sai sót của “quản trị tốt”, mặt khác, cần đưa ra một lý thuyết mới về “quản trị phù hợp” với nhiều yếu tố trên nhiều phương diện⁴. Năm 2021, trong lộ trình áp dụng nguyên tắc quản trị nhà nước tốt, Bộ Nội vụ Phillipines đã ban hành một bộ tiêu chí quản trị tốt dành cho địa phương có tên là “2021 Seal of Good Local Governance”. Trong khu vực công, 13 nguyên tắc quản trị tốt, bao gồm: tính mở, tính tham gia, trách nhiệm giải trình, hiệu lực, hiệu quả, tính nhất quán, tính gắn kết, phân cấp, tính có thể dự đoán được, minh bạch, nhà nước pháp quyền, thích ứng linh hoạt, bình đẳng và công bằng, cân bằng về giới. Bộ 5 tiêu chí các nguyên tắc quản trị nhà nước tốt, gồm: (1) Quyết tâm chính trị; (2) Liêm chính; (3) Hiệu quả; (4) Minh bạch; (5) Trách nhiệm giải trình.

Trong khi đó, những năm cuối thế kỷ XX, Ấn Độ áp dụng những tiêu chí về quản trị do Liên hiệp quốc đề xướng, gồm: (1) Sự tham gia (tất cả mọi người có thể nói lên ý kiến thông qua các tổ chức hoặc đại diện hợp pháp trực tiếp); (2) Quy tắc của pháp luật (khung pháp lý cần được thực thi một cách công bằng, đặc biệt là về luật nhân quyền); (3) Thống nhất định hướng (việc ra quyết định theo định hướng đồng thuận bảo đảm ngay cả khi mọi người không đạt được tối đa những gì họ muốn thì vẫn có thể đạt được mức tối thiểu chung mà sẽ không gây bất lợi cho bất kỳ ai); (4) Công bằng và bao trùm (quản trị tốt bảo đảm một xã hội bình đẳng; cải thiện hoặc duy trì sức khỏe cho mọi người); (5) Thực dụng và hiệu quả (các quy trình và thể chế phải có khả năng tạo ra kết quả đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; nguồn lực của cộng đồng cần được sử dụng hiệu quả để đạt được sản lượng tối đa); (6) Trách nhiệm giải trình (quản trị tốt nhằm hướng tới mục tiêu cải thiện con người; các tổ chức chính phủ, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự phải chịu trách nhiệm trước công chúng và các bên liên quan); (7) Tính minh bạch (thông tin phải được tiếp cận với công chúng và phải được hiểu và giám sát); (8) Khả năng đáp ứng (các thể chế và quy

trình phải phục vụ các bên liên quan trong một khoảng thời gian hợp lý)⁵. Sự đổi mới quản trị ở Ấn Độ hướng vào người nghèo, lấy người nghèo làm trung tâm; đồng thời, Chính phủ đa dạng hóa các kênh tài chính để người nghèo có thể tiếp cận⁶.

Hiện đại hóa mô hình quản trị quốc gia ở Ấn Độ đã sớm tạo ra sự vượt trội về năng lực sản xuất xã hội. Việc ứng dụng ngày càng nhiều công nghệ hiện đại cũng giải phóng sức lao động di chuyển đến các khu đô thị có việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp. Chính phủ đặc biệt quan tâm đến việc tạo cơ hội việc làm trong nông nghiệp, mở rộng diện bao phủ của các chương trình bảo đảm việc làm ở nông thôn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn cho người nghèo, như dự án Bharat Nirman trên nguyên tắc khuyến khích sự hợp tác của khu vực tư nhân và hỗ trợ phong trào của các nhóm tự lực và các tổ chức tài chính vi mô của người nghèo⁷.

3. Mô hình quản trị quốc gia theo định hướng phúc lợi xã hội

Trên thế giới hiện nay, hệ thống phúc lợi xã hội được thực hiện theo: (1) *Mô hình tự do (liberal)*: được áp dụng ở Hoa Kỳ, Canada và Australia, có đặc điểm là nhà nước chỉ can thiệp và giúp đỡ một cách có giới hạn đối với những người không còn khả năng sinh sống dựa trên thị trường, gia đình hoặc sự trợ giúp tư nhân. (2) *Mô hình nghiệp hội bảo thủ (conservateur - corporatiste)*: được áp dụng điển hình ở Đức, Pháp, Áo, đặt nền tảng trên lao động làm công ăn lương, mang mục tiêu bảo vệ người lao động và gia đình của họ trước những nguy cơ, như: tai nạn, bệnh tật, giá cả, thất nghiệp,... bằng cách bảo đảm cho họ một mức thu nhập tối thiểu. (3) *Mô hình phổ quát (universaliste) hay còn gọi là dân chủ - xã hội*: được áp dụng ở các nước Bắc Âu, theo đó, nhà nước bảo đảm phúc lợi cho toàn dân một cách đồng đều.

Hệ thống phúc lợi xã hội ở các nước Bắc Âu tập trung vào: (1) Chế độ phúc lợi xã hội hiện có đối với người lao động; (2) Quyền trong lao động (gồm quyền hưởng và quyền tham gia); (3) Sự phát triển hệ thống phúc lợi

dựa trên nguyên tắc phổ quát. Hiện nay, các nước Bắc Âu là nhóm có chỉ số phát triển con người cao nhất trên thế giới. Trong tổng số 189 nước được xếp hạng năm 2018 (Na Uy xếp thứ nhất, Thụy Điển: 7, Đan Mạch: 11 và Phần Lan: 15)⁸; năm 2022, (Na Uy xếp thứ hai, Thụy Điển và Đan Mạch cùng xếp thứ 5, Phần Lan: 11) và Việt Nam xếp thứ 107/193 quốc gia và vùng lãnh thổ với chỉ số là 0,726⁹. Nếu xét về chỉ số bất bình đẳng thì các nước Bắc Âu cũng thuộc nhóm có chỉ số bất bình đẳng thấp nhất trên thế giới. Xét về chỉ số hạnh phúc, năm 2019, các nước Bắc Âu nằm trong “tốp” các nước người dân hạnh phúc nhất (Phần Lan xếp thứ nhất, Đan Mạch: 2, Na Uy: 3, Thụy Điển: 7)¹⁰; Việt Nam xếp thứ 94/156 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2024, các nước Bắc Âu tiếp tục nằm trong nhóm các nước có chỉ số hạnh phúc cao nhất (Việt Nam năm 2024, đứng thứ 54 trong tổng số 143 quốc gia/vùng lãnh thổ)¹¹.

Mô hình phúc lợi xã hội ở các nước Bắc Âu có hai trụ cột là an sinh xã hội và dịch vụ công (giáo dục, y tế, giao thông công cộng...) với mức độ phổ quát cao¹². Tỷ lệ thất nghiệp ở Bắc Âu thấp; tỷ lệ phụ nữ tham gia lao động và chính trị ở khu vực này luôn cao nhất thế giới; nam giới được nghỉ khi vợ sinh con với thời gian dài nhất thế giới. Nền giáo dục ở các nước Bắc Âu được miễn phí hoặc trợ cấp cao. Nhà nước dành ngân sách lớn đầu tư cho giáo dục (khoảng 3 - 8% GDP), khuyến khích người dân học tập suốt đời; miễn 100% học phí trong giai đoạn học phổ thông và hỗ trợ học phí học đại học. Chăm sóc trẻ em rất được quan tâm, thông qua các chính sách hỗ trợ của nhà nước, như miễn, giảm thuế hoặc trợ cấp bổ sung kéo dài 1 đến vài năm đối với những người đang nuôi con vị thành niên. Trong lĩnh vực y tế cũng đứng đầu thế giới về hệ thống y tế, bảo hiểm phổ cập và bao trùm, trong đó miễn phí khám, chữa bệnh cho trẻ vị thành niên (từ 16 tuổi trở xuống) và phụ nữ có thai. Quỹ bảo hiểm chiếm từ 20 - 30% GDP của các nước. Tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh ở mức thấp nhất, chỉ khoảng 3 trẻ/1.000 ca sinh. Tuổi thọ trung bình của người Bắc Âu

năm 2015 - 2016 là 82,3 tuổi¹³. Năm 2022, tuổi thọ bình quân của Na Uy, Thụy Điển là 83, Đan Mạch: 81¹⁴. Về giao thông công cộng, các nước Bắc Âu áp dụng chính sách trợ giá đối với các phương tiện vận tải đường sắt và xe buýt nội đô. Phần Lan, Thụy Điển có chính sách miễn phí xe buýt và phương tiện vận tải đường sắt nội đô cho trẻ dưới 5 tuổi và người đi cùng.

Các nước Bắc Âu áp dụng mô hình dân chủ xã hội - mô hình có sự tham gia rộng rãi của nhân dân, bao gồm: đối thoại xã hội; lòng tin xã hội; vai trò nhà nước thúc đẩy phát triển; nền giáo dục đề cao dân chủ, hợp tác và bình đẳng; quan hệ lao động hài hòa, dựa trên bình đẳng, hợp tác và thỏa hiệp. Chia sẻ bình đẳng và tham gia dịch vụ công là biểu hiện nổi bật của quyền công dân, ví dụ tham gia việc xây dựng chính sách công cộng quốc gia, thể hiện quan điểm và ý kiến về chính sách công...

4. Giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quản trị quốc gia, quản trị tốt ở một số quốc gia cho thấy, các nước được nghiên cứu nói chung dùng thuật ngữ “quản trị nhà nước tốt”. Trong đó, “quản trị nhà nước tốt” trước hết là hàm ý đến đối tượng quản trị ở đây là khu vực công và quản trị bản thân nội tại nhà nước. “Quản trị quốc gia” là khái niệm nội sinh của Việt Nam, sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những giá trị chung của “quản trị nhà nước tốt”. Do đó, “quản trị quốc gia” khác với “quản trị nhà nước tốt” cả ở mục đích, nội dung, phạm vi, phương thức và cơ chế vận hành. Từ kinh nghiệm của các quốc gia nêu trên đã đem lại những giá trị tham khảo cho Việt Nam, đó là:

(1) Cần xác lập “quản trị quốc gia” phù hợp với cơ chế chung “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Bên cạnh đó, tiếp thu và vận dụng có hiệu quả những nguyên tắc chung của quản trị nhà nước tốt (dân chủ và sự tham gia các bên; đồng thuận xã hội; pháp quyền; phân quyền và kiểm soát quyền lực; minh bạch và giải trình; quyền con

người, quyền công dân; hiện đại hóa, hiệu lực, hiệu quả).

(2) Trong quá trình vận hành nền quản trị quốc gia, cần kết hợp với giải quyết có hiệu quả 10 mối quan hệ lớn mà Đại hội lần thứ XIII đã đặt ra (giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội).

(3) Xây dựng một chương trình tổng thể về đổi mới quản trị quốc gia, trong đó xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, vai trò, trách nhiệm các bên trong quản trị quốc gia, động lực, nguồn lực cho đổi mới quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; thiết lập tầm nhìn quốc gia. Trong nguồn lực, cần chú trọng đến nguồn lực con người; có chiến lược phát triển con người Việt Nam toàn diện, có phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn tốt đẹp, có năng lực thích ứng và đáp ứng yêu cầu của đổi mới quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

(4) Các nguyên tắc của quản trị quốc gia cần được phản ánh, thể hiện trong chính sách, pháp luật (ngay từ giai đoạn khởi xướng chính sách, pháp luật, hoạch định, thực thi, đánh giá chính sách, pháp luật). Cần kết hợp với kiểm soát có hiệu quả thực thi quyền lực (trước hết là thực thi quyền lực nhà nước).

(5) Các mô hình quản trị tốt, quản trị quốc gia nhấn mạnh đến sự thống nhất, sự đồng thuận trong thực hiện các chính sách phát triển. Vì vậy, Nhà nước có vai trò điều phối, điều tiết, điều hòa để tìm ra điểm cân bằng tối ưu cho các lựa chọn mà ở đó có sự hài hòa của lợi ích chung, lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước và lợi ích của mỗi cá nhân. Theo đó, quản trị quốc gia cũng cần sự ổn định về chính sách,

thể chế, sự nỗ lực thực hiện các mục tiêu chính sách, thể chế. Sự cam kết về mục tiêu chính sách không chỉ ở phía người thực hiện mà ở toàn xã hội □

Chú thích:

1. [俞可平 (2014), 《国家治理体系的基本内, 《理论研究, 第4期 (Du Khả Bình, “Nội hàm bản chất của hệ thống quản trị quốc gia”. Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 4.

2. Das, Subrat (2014). *Ensuring good governance and effective institutions: Can we afford to ignore capacity issues? Southern Voice: Centre for Policy Dialogue, Dhaka*. Retrieved 1 March 2015, from <http://www.cbgaindia.org>

3. Han Zhenfeng. (December 7, 2015). *The Basic Content and Internal Logic of Xi Jinping's Governance Thought*. Guangming Daily, page 6.

4. Li Junru. (January 18, 2016). *The Distinctive Features of Xi Jinping's Governance Thought*. Beijing Daily, page 10.

5. Bagchi, A. (2007). *Combating corruption in state and local revenue administration*. In Shah, E. B. (Ed.), *Local budgeting: Public sector governance and accountability series* (pp. 105 - 125). 1818 H Street, NW & Washington, D.C.: The World Bank

6. Vinod Vyasulu. (2015). ‘Good’ Governance in India: How Good or Bad? *Millennial Asia* 6 (2) 111 - s127.

7. Das, Subrat (2014). *Ensuring good governance and effective institutions: Can we afford to ignore capacity issues? Southern Voice: Centre for Policy Dialogue, Dhaka*. Retrieved 1 March 2015, from <http://www.cbgaindia.org>

8. Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP): *Chỉ số phát triển con người năm 2018*.

9. Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP): *Chỉ số phát triển con người năm 2022*.

10. Liên hiệp quốc (UN) (2020). *Báo cáo hạnh phúc thế giới 2019*.

11. Liên hiệp quốc (UN) (2024). *Báo cáo hạnh phúc thế giới 2024*.

12. Bùi Thanh Sơn và Đinh Toàn Thắng (2019). *Mô hình phát triển của một số nước Bắc Âu*. Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội.

13. Nordic Social Statistical Committee, *Social Protection in the Nordic Countries - Scope, Expenditure and Financing, 2015 - 2016*.

14. UNDP, *Life expectancy at birth, total (years)*, <https://data.worldbank.org/indicator/SP.DYN.LE00.IN>